Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2919.90.00

Mã HS	2919.90.00
Mô tả hàng hóa	Este phosphoric và muối của chúng, kể cả lacto phosphat; các dẫn xuất đã halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng. / - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	08/11/2026 08:44:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29199000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4148
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4148
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4148
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4094
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4055
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4055
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4055
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4055
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4055
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4055
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4093
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4093

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4093
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4093
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4093
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4093
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4097
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4097
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4097
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4097
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4097
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4097
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4097
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4061
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4057
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4057
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4057
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4057
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4057
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4057
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4057
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4057
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4057
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4057
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4057
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4057
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4104
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4104
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4104
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4104
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4104
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4101
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4101
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4101
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4101
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4101
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4101
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4109
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4109
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4109
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4109
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4109
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4109
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4080
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4080
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4080
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4080
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4080
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4080
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4082
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4082
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4082
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4082
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4082
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4080
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4080
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4080
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4080
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4080
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4080
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4080
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4101
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4101
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4101
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4101
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4101
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4101
RCEP B	2022	2022	0	B!D4101
RCEP B	2023	2023	0	B!E4101
RCEP B	2024	2024	0	B!F4101
RCEP B	2025	2025	0	B!G4101
RCEP B	2026	2026	0	B!H4101
RCEP B	2027	2027	0	B!I4101
RCEP C	2022	2022	0	C!D4101
RCEP C	2023	2023	0	C!E4101
RCEP C	2024	2024	0	C!F4101
RCEP C	2025	2025	0	C!G4101
RCEP C	2026	2026	0	C!H4101

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4101
RCEP D	2022	2022	0	D!D4101
RCEP D	2023	2023	0	D!E4101
RCEP D	2024	2024	0	D!F4101
RCEP D	2025	2025	0	D!G4101
RCEP D	2026	2026	0	D!H4101
RCEP D	2027	2027	0	D!I4101
RCEP E	2022	2022	0	E!D4104
RCEP E	2023	2023	0	E!E4104
RCEP E	2024	2024	0	E!F4104
RCEP E	2025	2025	0	E!G4104
RCEP E	2026	2026	0	E!H4104
RCEP E	2027	2027	0	E!I4104
RCEP F	2022	2022	0	F!D4101
RCEP F	2023	2023	0	F!E4101
RCEP F	2024	2024	0	F!F4101
RCEP F	2025	2025	0	F!G4101
RCEP F	2026	2026	0	F!H4101
RCEP F	2027	2027	0	F!I4101
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F3769
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G3769
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H3769
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I3769

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2919.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2919.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4148), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.